

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG CLC
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG CLC

NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI

MÃ NGÀNH: 7840104

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	6
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	7
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	8
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	10
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	16
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	19
2.4. Tóm tắt các học phần	20

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế ngoại thương CLC do Viện đào tạo chất lượng cao xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Kinh tế ngoại thương CLC
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	132
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân kinh tế ngoại thương có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân. Có đạo đức tốt,

có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có ý chí phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các sinh viên sau khi được đào tạo trở thành các cử nhân kinh tế ngoại thương nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

- a. Cung cấp kiến thức ngành về kinh tế và kinh doanh quốc tế giúp cho sinh viên hiểu được sự vận hành của một nền kinh tế, hiểu được các hoạt động kinh doanh quốc tế; trang bị kiến thức chuyên ngành Kinh tế ngoại thương giúp cho sinh viên nắm bắt được quy trình cụ thể đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu;
- b. Năng lực thiết kế (D), thực hiện (I) và vận hành (O) các thành quả của quá trình đào tạo liên quan đến lĩnh vực kinh tế ngoại thương;
- c. Nâng cao sự hiểu biết về bối cảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế ngoại thương.

Với các mục tiêu tổng quát và cụ thể trên, mục tiêu đối với định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Kinh tế ngoại thương hướng đến những vị trí sau:

- Các sở ban ngành có bộ phận hội nhập kinh tế quốc tế; có liên quan đến kinh doanh quốc tế, kinh tế quốc tế, đầu tư nước ngoài.
- Các công ty kinh doanh có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu;
- Các công ty kinh doanh có liên quan đến hoạt động logistics, vận tải, giao nhận;
- Các hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty vận tải biển;
- Các doanh nghiệp kinh doanh và khai thác cảng;
- Các tổ chức tài chính, tín dụng có liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế.

CTĐT cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong các lĩnh vực khác, yêu cầu kiến thức nâng cao về ngành kinh tế và kinh doanh quốc tế cũng như chuẩn bị cho nghiên cứu sau đại học các chuyên ngành có liên quan đến chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán chuyên đề kinh tế	K1	

1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>		3.5
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		3.5
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị	K2	
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		3.0
1.2.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3.5
1.2.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3.5
1.2.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.2.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương	K1	2.0
1.2.2.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		2.0
1.2.2.1	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		2.0
1.2.3	Kiến thức cơ bản về ngoại ngữ	K1	3.0
1.2.3.1	<i>Anh văn cơ bản 1</i>		
1.2.3.2	<i>Anh văn cơ bản 2</i>		
1.2.3.3	<i>Anh văn cơ bản 3</i>		
1.2.3.4	<i>Anh văn cơ bản 4</i>		
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		

1.3.1	Giới thiệu ngành Kinh tế		
1.3.1.1	Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành kinh tế		2.0
1.3.2	Kinh tế vi mô	K1	
1.3.2.1	Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất		2.0
1.3.2.2	Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ		2.0
1.3.3	Kinh tế vĩ mô	K1	
1.3.3.1	Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô		2.0
1.3.3.2	Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.		2.0
1.3.4	Nguyên lý kế toán	K1	
1.3.4.1	Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp		2.0
1.3.4.2	Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính		2.0
1.3.5	Nguyên lý thống kê	K1	
1.3.5.1	Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.		2.0
1.3.5.2	Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.		2.0
1.3.6	Thuế	K1	
1.3.6.1	Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.		2.0
1.3.7	Kinh tế lượng	K1	3.0

1.3.7.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>		3.0
1.3.7.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>		3.0
1.3.7.3	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>		3.0
1.3.8	Giao dịch thương mại quốc tế	K1	2.5
1.3.8.1	<i>Hiểu được các phương thức giao dịch thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.8.2	<i>Nắm được những vấn đề cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</i>		2.5
1.3.8.3	<i>Vận dụng điều kiện thương mại quốc tế Incoterms 2010 để quy định về nghĩa vụ trách nhiệm của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.9	Khoa học giao tiếp	K1	2.5
1.3.9.1	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản trong giao tiếp (khái niệm, vai trò, phân loại giao tiếp, các nguyên tắc và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp)</i>		2.5
1.3.9.2	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản về văn hoá giao tiếp và kinh doanh của các nước trên thế giới</i>		2.5
1.3.9.3	<i>Hiểu được kiến thức cơ bản về giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh quốc tế</i>		2.5
1.3.9.4	<i>Hiểu được các nguyên tắc của cách thức bố trí chỗ ngồi cho một buổi lễ</i>		2.5
1.3.9.5	<i>Hiểu được cách thức tổ chức tiệc và tham dự tiệc chiêu đãi</i>		2.5
1.3.9.6	<i>Hiểu được cách thức đón tiếp khách</i>		2.5
1.3.10	Kinh tế quốc tế	K1	2.0
1.3.10.1	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế</i>		2.0
1.3.10.2	<i>Hiểu được nội dung của các học thuyết thương mại cổ điển, các nguyên tắc trong thương mại giữa các quốc gia trên thế giới; hiểu và đánh giá được tác động của các công cụ điều chỉnh hoạt động thương mại</i>		2.0

1.3.10.3	<i>Hiểu được khái niệm, nguyên nhân của đầu tư quốc tế, suy luận được tác động của đầu tư quốc tế đối với nước nhận đầu tư và chủ đầu tư</i>		2.0
	<i>Phân biệt được các loại hình đầu tư quốc tế</i>		
	<i>Hiểu được khái niệm của di chuyển lao động quốc tế; phân biệt được xu hướng xuất-nhập khẩu lao động của nước phát triển và nước đang phát triển</i>		
1.3.10.4	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản của cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế</i>		2.0
1.3.11	Đàm phán thương mại quốc tế	K1	2.5
1.3.11.1	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán trong thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.11.2	<i>Hiểu được cách phân biệt, phân loại và trường hợp áp dụng các phong cách, chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật đàm phán thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.11.3	<i>Hiểu được các giai đoạn và trình tự các bước thực hiện đàm phán thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.11.4	<i>Hiểu được các bí quyết để đàm phán thành công trong thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.11.5	<i>Hiểu được tầm ảnh hưởng của văn hóa trong thương mại quốc tế, sự khác biệt của văn hóa trong đàm phán thương mại ở các quốc gia khác nhau</i>		2.5
1.3.12	Pháp luật kinh doanh quốc tế	K1	2.5
1.3.12.1	<i>Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới</i>		2.5
1.3.12.2	<i>Có kiến thức về hợp đồng kinh doanh quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản như giới thiệu tổng quan, điều kiện hiệu lực, hợp đồng điện tử...</i>		2.5
1.3.12.3	<i>Có kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế, bao gồm kiến thức tổng quan và các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán và không mang tính tài phán</i>		2.5
1.3.13	Phân tích hoạt động kinh tế	K1	3.0

1.3.13.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.3.13.2	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		3.0
1.3.14	Logistics và vận tải đa phương thức	K1	2.5
1.3.14.1	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế.</i>		2.5
1.3.14.2	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; tổ chức vận tải đa phương thức</i>		2.5
1.3.15	Thực tập cơ sở ngành	K1	2.5
1.3.15.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của công ty thực tập và viết nhật ký thực tập</i>	K1	2.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Thương mại điện tử	K1	2.5
1.4.1.1	<i>Có khả năng hiểu được các khái niệm, vai trò, sự phát triển của TMĐT</i>		2.5
1.4.1.2	<i>Có khả năng hiểu được đặc điểm của TMĐT, cách phân loại và những lợi ích, hạn chế, tác động của ngành TMĐT</i>		2.5
1.4.1.3	<i>Giúp sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan về khung pháp lý khi thực hiện TMĐT</i>		2.5
1.4.1.4	<i>Có khả năng hiểu về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống bảo mật trong TMĐT, nguồn nhân lực TMĐT</i>		2.5
1.4.1.5	<i>Có khả năng hiểu về cách thức thanh toán trong TMĐT, nắm được các hệ thống thanh toán trong TMĐT</i>		2.5
1.4.2	Đầu tư quốc tế	K4	3.5
1.4.2.1	<i>Nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư quốc tế</i>		3.5
1.4.2.2	<i>Lập được dự án khả thi đơn giản</i>		3.5
1.4.2.3	<i>Nắm được một số vấn đề liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI</i>		3.5
1.4.2.4	<i>Nắm được sơ bộ cách triển khai thực hiện dự án FDI</i>		3.5

1.4.2.5	<i>Biết được một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với dự án FDI</i>		3.5
1.4.3	Tín dụng và tài trợ thương mại quốc tế	K1	2.0
1.4.3.1	<i>Có hiểu biết tổng quát về hoạt động tín dụng và phân loại tín dụng; hiểu rõ và phân tích được vai trò, tác động của hoạt động tín dụng đối với xuất nhập khẩu</i>		2.0
1.4.3.2	<i>Có hiểu biết tổng quát về hoạt động tài trợ thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ xuất khẩu ngắn hạn và tài trợ nhập khẩu ngắn hạn.</i>		2.0
1.4.4	Chính sách thương mại quốc tế	K1	3.0
1.4.4.1	<i>Có hiểu biết một cách hệ thống và có thể phân tích về lịch sử các học thuyết kinh tế và thương mại quốc tế</i>		3.0
1.4.4.2	<i>Có kiến thức về chiến lược ngoại thương của các quốc gia trên thế giới trong từng giai đoạn lịch sử</i>		3.0
1.4.4.3	<i>Có kiến thức cơ bản về hệ thống chính sách thương mại quốc tế và các công cụ để thực hiện chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam và các nước trên thế giới</i>		3.0
1.4.4.4	<i>Có kiến thức về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của hoạt động ngoại thương và phân tích các hệ thống chỉ tiêu để có thể đánh giá hiệu quả của một hoạt động xuất nhập khẩu cụ thể</i>		3.0
1.4.5	Bảo hiểm trong ngoại thương	K4	2.5
1.4.5.1	<i>Hiểu được sự cần thiết của bảo hiểm, các nguyên tắc bảo hiểm, phân loại được bảo hiểm</i>		2.5
1.4.5.2	<i>Hiểu, nắm được được nội dung bảo hiểm hàng hải (rủi ro, tổn thất bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm P &I) và Vận dụng để phân bổ tổn thất, giám định bồi thường, phân chia trách nhiệm tai nạn đắm va</i>		2.5
1.4.5.3	<i>Nắm được nội dung bảo hiểm hàng không</i>		2.5
1.4.6	Nghiệp vụ hải quan	K1	2.5
1.4.6.1	<i>Nắm được các mốc thời gian trong ịch sử hình thành và phát triển của Hải quan Việt Nam, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức của hải quan Việt Nam.</i>		2.5
1.4.6.2	<i>Tóm tắt được các cơ sở pháp lý của nghiệp vụ hải quan liên quan đến quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, chính sách mặt hàng, thuế xuất nhập khẩu và các phương pháp xác định trị giá tính thuế. Thực hiện xác định trị giá tính thuế cho hàng hoá xuất nhập khẩu bằng</i>		2.5

	<i>các phương pháp đã học dựa trên thứ tự áp dụng các phương pháp và điều kiện áp dụng các phương pháp.</i>		
1.4.6.3	<i>Trình bày được khái niệm, đối tượng, nguyên tắc của hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan, các nội dung liên quan đến kiểm tra hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan cho hàng hoá, các hình thức giám sát hải quan, các trường hợp phải giám sát hải quan. So sánh được các hình thức giám sát hải quan và chỉ ra được trường hợp áp dụng cho từng hình thức. Trình bày được nội dung của kiểm tra sau thông quan.</i>		2.5
1.4.6.4	<i>Trình bày được các khái niệm liên quan đến thủ tục hải quan điện tử. Liệt kê được các chứng từ trong hồ sơ hải quan theo quy định. Nắm được các quy định về thời hạn khai và nộp hồ sơ hải quan, địa điểm làm thủ tục hải quan theo quy định. Trình bày được những nội dung cơ bản về hệ thống thông quan hàng hoá tự động và một cửa quốc gia VNACCS/VCIS. Tóm tắt được những nội dung liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan</i>		2.5
1.4.7	Kinh doanh quốc tế	K5	3.5
1.4.7.1	<i>Nắm được cách thức hình thành một doanh nghiệp</i>		3.5
1.4.7.2	<i>Hiểu được kiến thức về kinh doanh quốc tế đối với doanh nghiệp</i>		3.5
1.4.7.3	<i>Hiểu được các nội dung về quản trị sản xuất, marketing, quản trị nguồn nhân lực và quản trị tài chính quốc tế</i>		3.5
1.4.7.4	<i>Biết lập một đề án phát triển sản phẩm ở một thị trường nước ngoài và phân tích các yếu tố có liên quan để đảm bảo tính khả thi của đề án đó.</i>		3.5
1.4.8	Thanh toán quốc tế	K5	3.5
1.4.8.1	<i>Hiểu được các khái niệm về tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối; các yếu tố ảnh hưởng đến TGHĐ; các biện pháp điều chỉnh TGHĐ; các nghiệp vụ chủ yếu trên thị trường ngoại hối</i>		3.5
1.4.8.2	<i>Biết đánh giá tầm quan trọng của TTHĐ đến hoạt động XNK, mua bán hàng hoá, dịch vụ có sử dụng ngoại tệ, sử dụng những công cụ trên thị trường ngoại hối để phòng tránh rủi ro hối đoái</i>		3.5

1.4.8.3	Hiểu được các khái niệm, lịch sử hình thành và cách phân loại các công cụ chuyển nhượng; các yêu cầu về nội dung và hình thức đối với từng công cụ chuyển nhượng (séc, hối phiếu) theo luật quốc tế và luật Việt Nam.		3.5
1.4.8.4	Phân biệt được séc và hối phiếu, thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ		3.5
1.4.8.5	Lập được séc và hối phiếu sử dụng trong TMQT		3.5
1.4.8.6	Hiểu được khái niệm, các bên tham gia, các tập quán quốc tế trong các Pthức TT đang sử dụng phổ biến hiện nay.		3.5
1.4.8.7	Hiểu được các quy trình thanh toán của các phương thức thanh toán thông dụng. Hiểu được những rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng các phương thức thanh toán.		3.5
1.4.8.8	Viết được yêu cầu chuyển tiền, yêu cầu nhờ thu và yêu cầu mở thư tín dụng; chuẩn bị được các giấy tờ để tiến hành thanh toán. Lập được bộ chứng từ thanh toán theo các PTTT. Kiểm tra các chứng từ TT trên phương diện NH		3.5
1.4.9	Giao nhận vận tải quốc tế	K5	3.5
1.4.9.1	Phân tích được vai trò, phạm vi hoạt động của người giao nhận		3.5
1.4.9.2	Đánh giá được tầm quan trọng của các loại bao bì trong đóng gói hàng hóa XNK		3.5
1.4.9.3	Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải biển		3.5
1.4.9.4	Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải liên hợp		3.5
1.4.9.5	Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải hàng không		3.5
1.4.9.6	Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải đường bộ		3.5
1.4.10	Thực tập chuyên ngành	K4	3.0
1.4.10.1	Nắm bắt được các vấn đề thực tế phát sinh, có thể vận dụng lý thuyết đã học để giải thích hoặc thực hiện được một công việc cụ thể được giao		3.0
1.4.10.2	Có khả năng viết báo cáo theo các chuyên đề được giao		3.0
1.4.10.3	Có khả năng bảo vệ báo cáo trước hội đồng chuyên môn		
1.4.11	Thực tập tốt nghiệp	K4	3.5
1.4.11.1	Nắm bắt được các nghiệp vụ cơ bản của ngành ngoại thương, vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các công việc được giao		3.5
1.4.11.2	Có khả năng tổ chức và điều hành được các hoạt động kinh tế đối ngoại trong điều kiện hiện nay		3.5

1.4.11.3	<i>Có khả năng viết một báo cáo chuyên đề thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn và của bộ môn. Các báo cáo thực tập được làm như một bài luận văn tốt nghiệp cuối khóa</i>		3.5
1.4.11.4	<i>Có khả năng bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp trước hội đồng thi bộ môn</i>		3.5
1.5	Kiến thức tự chọn		
1.5.1	Tin học văn phòng	K3	3.0
1.5.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của MS Word, MS Excell giải quyết các vấn đề soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính. Cho thấy khả năng sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word, MS Excell.</i>		3.0
1.5.2	Quan hệ kinh tế quốc tế	K1	3.0
1.5.2.1	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế như khái niệm; các quan hệ kinh tế quốc tế bao gồm những quan hệ nào, tính chất, vai trò của các quan hệ kinh tế quốc tế</i>		3.0
1.5.2.2	<i>Hiểu được khái niệm và đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế, bản chất và tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế, các tác động của liên kết và hội nhập, các loại hình liên kết kinh tế cả ở cấp độ nhỏ và lớn</i>		3.0
1.5.2.3	<i>Khái quát được những đặc điểm cơ bản của một số liên kết kinh tế quốc tế như WTO, ASEAN, APEC, EU, WB. Phân biệt được sự khác nhau về hình thức liên kết của các liên kết này</i>		3.0
1.5.3	Kinh tế công cộng	K1	2.5
1.5.3.1	<i>Có kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả.</i>		2.5
1.5.3.2	<i>Hiểu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng.</i>		2.5
1.5.4	Kỹ năng mềm 1	K1	2.5
1.5.4.1	<i>Có kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động giao tiếp, hình thành kỹ năng ứng xử một cách linh hoạt, tạo tự tin khi giao tiếp</i>		2.5
1.5.4.2	<i>Nắm được các kỹ năng thuyết trình</i>		2.5
1.5.5	Môi trường và bảo vệ môi trường	K1	2.5

1.5.5.1	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.</i>		2.5
1.5.5.2	<i>Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.</i>		2.5
1.5.6	Văn hóa doanh nghiệp	K1	2.5
1.5.6.1	<i>Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh</i>		2.5
1.5.6.2	<i>Giới thiệu những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.</i>		2.5
1.5.7	Quản trị doanh nghiệp	K1	3.0
1.5.7.1	<i>Hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		3.0
1.5.7.2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh.</i>		3.0
1.5.8	Kinh tế phát triển	K1	2.5
1.5.8.1	<i>Biết những vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển bao gồm: đặc trưng của các nước đang phát triển, các phương pháp đánh giá sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia cả về mặt lượng cũng như mặt chất, các nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế và vai trò của các nguồn lực đó đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.</i>		2.5
1.5.8.2	<i>Hiểu rõ những học thuyết, mô hình kinh tế được sử dụng để lý giải sự biến động của hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia như là sự tăng trưởng kinh tế hay sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.</i>		2.5
1.5.9	Kế toán doanh nghiệp	K5	3.0
1.5.9.1	<i>Tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức</i>		3.0

	<i>năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp.</i>		
1.5.9.2	<i>Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.</i>		3.0
1.5.10	Kinh tế vận chuyển đường biển	K4	3.5
1.5.10.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.</i>		3.5
1.5.10.2	<i>Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.</i>		3.5
1.5.11	Quản trị chiến lược	K1	3.0
1.5.11.1	<i>Khái quát hóa các khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược</i>		3.0
1.5.11.2	<i>Giải thích được quy trình quản trị chiến lược</i>		3.0
1.5.11.3	<i>Xây dựng được tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi cho tổ chức, nhận biết được các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong ảnh hưởng đến tổ chức</i>		3.0
1.5.11.4	<i>Vận dụng được các ma trận EFE, IFE trong việc phân tích thực trạng của tổ chức, ma trận BCG, SWOT trong việc xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp, ma trận QSPM nhằm lựa chọn chiến lược kinh doanh cần thực hiện cho tổ chức</i>		3.0
1.5.11.5	<i>Nhận biết cách tổ chức thực hiện, đánh giá, kiểm soát chiến lược</i>		3.0
1.5.12	Nghiệp vụ kho hàng	K1	3.0
1.5.12.1	<i>Có khả năng hiểu khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho</i>		3.0
1.5.12.2	<i>Vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho.</i>		3.0
1.5.13	Địa lý vận tải	K1	3.0

1.5.13.1	<i>Hiểu được những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.</i>		3.0
1.5.13.2	<i>Có kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.</i>		3.0
1.5.14	Marketing quốc tế	K1	3.0
1.5.14.1	<i>Giải nghĩa các kiến thức căn bản về Marketing quốc tế: khái niệm, quá trình phát triển, vai trò cũng như các doanh nghiệp thực hiện marketing quốc tế; các yếu tố của môi trường Marketing quốc tế cũng như ảnh hưởng của chúng đến hoạt động Marketing quốc tế của doanh nghiệp</i>		3.0
1.5.14.2	<i>Biết được tổng quát về nghiên cứu Marketing và các vấn đề cơ bản khi thực hiện nghiên cứu Marketing</i>		3.0
1.5.14.3	<i>Mô tả được đặc trưng, hành vi khách hàng trong các loại thị trường phổ biến</i>		3.0
1.5.14.4	<i>Diễn giải được quy trình phân đoạn, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu và các biện pháp thâm nhập thị trường quốc tế</i>		3.0
1.5.14.5	<i>Hiểu được các quyết định về hàng hóa trong môi trường quốc tế, các vấn đề liên quan đến định giá và quyết định về giá trên thị trường quốc tế, mô tả được vòng đời và việc phát triển sản phẩm xuất khẩu quốc tế</i>		3.0
1.5.14.6	<i>Giải thích được các quyết định liên quan đến phân phối, chiến lược phân phối quốc tế</i>		3.0
1.5.14.7	<i>Xác định được ưu nhược điểm và quy trình thực hiện các công cụ xúc tiến hỗn hợp trong marketing quốc tế</i>		3.0
1.5.15	Logistics vận tải	K1	3.5
1.5.15.1	<i>Nắm bắt được kiến thức lý luận cơ bản về vận tải, dịch vụ vận tải, chức năng, vai trò của logistics vận tải trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Các quy phạm pháp luật chi phối logistics vận tải.</i>		3.5
1.5.16	Tài chính tiền tệ	K1	
1.5.16.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh</i>		2.5

	<i>ngành, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		
1.6	KHỞI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP		
1.6.1	Khóa luận tốt nghiệp	K1	4.0
1.6.1.1	<i>Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết một vấn đề về mặt kinh tế và quản lý trong hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải thủy hoặc khai thác kinh doanh cảng thủy và các dịch vụ,</i>		
1.6.2	Môi trường kinh doanh quốc tế	K1	4.0
1.6.2.1	<i>Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh doanh quốc tế và môi trường kinh doanh quốc tế</i>		4.0
1.6.2.2	<i>Hiểu và vận dụng được các nội dung nghiên cứu môi trường kinh doanh quốc gia</i>		4.0
1.6.2.3	<i>Hiểu và vận dụng được các nội dung nghiên cứu môi trường kinh doanh quốc tế</i>		4.0
1.6.2.4	<i>Hiểu được đặc điểm của các chiến lược kinh doanh quốc tế</i>		4.0
1.6.2.5	<i>Hiểu được đặc điểm của các phương thức thâm nhập thị trường</i>		4.0
1.6.3	Kế hoạch kinh doanh quốc tế	K1	4.0
1.6.3.1	<i>Hiểu được sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị, pháp luật và sự ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh doanh quốc tế</i>		4.0
1.6.3.2	<i>Hiểu được các chiến lược kinh doanh quốc tế và sự áp dụng từng chiến lược trong từng hoàn cảnh cụ thể</i>		4.0
1.6.3.3	<i>Nắm được được các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế</i>		4.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP, VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>		4.0
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả định và những nguồn định kiến</i>		4.0
2.1.2	<i>Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định</i>	S1	
2.1.2.1	<i>Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng</i>		4.0
2.1.2.2	<i>Phân tích các giới hạn và dự phòng</i>		4.0
2.1.3	<i>Các giải pháp và khuyến nghị</i>	S1	

2.1.3.1	<i>Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu</i>		3.5
2.1.3.2	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>		3.5
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	<i>Tư duy toàn cục</i>	S3	2.5
2.2.1.1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>		
2.2.2	<i>Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung</i>	S3	3.5
2.2.2.1	<i>Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống</i>		3.5
2.2.2.2	<i>Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống</i>		
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.4.1	<i>Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt</i>	S1	
2.4.1.1	<i>Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả</i>		2.5
2.4.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê</i>		3.5
2.4.1.3	<i>Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>		3.5
2.4.2	<i>Tư duy suy xét</i>	S1	
2.4.2.1	<i>Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện</i>		2.5
2.4.2.2	<i>Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>		3.5
2.4.3	<i>Học tập và rèn luyện suốt đời</i>	S1	
2.4.3.1	<i>Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>		2.5
2.4.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>		3.5
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.5.1	<i>Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội</i>	S2	
2.5.1.1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		3.5
2.5.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.5
2.5.2	<i>Hành xử chuyên nghiệp</i>	S2	3.5
2.5.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp</i>		
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	<i>Tổ chức nhóm hiệu quả</i>	C1	
3.1.1.1	<i>Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>		2.5
3.1.1.2	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>		3.5
3.1.2	<i>Hoạt động nhóm</i>	S4, C1	
3.1.2.1	<i>Xác định các mục tiêu và công việc cần làm</i>		2.5

3.1.2.2	<i>Vận dụng</i> hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả		3.5
3.1.2.3	<i>Vận dụng</i> giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)		3.5
3.1.2.4	<i>Cho thấy</i> khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả		3.5
3.2	Giao tiếp		
3.2.1	<i>Giao tiếp bằng văn bản</i>	S5	
3.2.1.1	<i>Cho thấy</i> khả năng viết mạch lạc và trôi chảy		3.5
3.2.1.2	<i>Cho thấy</i> khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp		3.5
3.2.1.3	<i>Cho thấy</i> khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word		4.0
3.2.2	<i>Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông</i>	S5	
3.2.2.1	<i>Cho thấy</i> khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử		3.5
3.2.2.2	<i>Cho thấy</i> khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video		3.5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ		
3.3.1	Kỹ năng nghe: có thể hiểu được những điểm chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập và giải trí ... có thể hiểu được những điểm chính của các chương trình phát thanh hoặc truyền hình liên quan đến công việc hiện tại hoặc các vấn đề liên quan đến cá nhân, đến nghề nghiệp quan tâm khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng	S6	4.0
3.3.2	Kỹ năng đọc: có thể hiểu được các văn bản có lối diễn đạt căn bản thường gặp hoặc liên quan đến công việc; có thể hiểu được các diễn tả về sự kiện, cảm xúc và ước muốn trong thư tín cá nhân	S6	4.0
3.3.3	Kỹ năng nói: có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp; có thể xử lý những trao đổi xã hội ngắn, và có thể sử dụng một loạt các cụm từ và câu để miêu tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, học vấn và công việc	S6	4.0

3.3.4	Kỹ năng viết: có thể viết mạch lạc những vấn đề quen thuộc hoặc những đề tài quan tâm, có thể viết thư để diễn tả các trải nghiệm và ấn tượng cá nhân	S6	4.0
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	Bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân kinh tế ngoại thương	S2, C2	
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề</i>		2.5
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của cử nhân kinh tế ngoại thương đối với xã hội và một tương lai bền vững</i>		2.5
4.1.2	Bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu hoá	S2	
4.1.2.1	<i>Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống của ngành kinh tế ngoại thương</i>		2.5
4.1.2.2	<i>Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>		2.5
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành kinh tế ngoại thương		
4.2.1	<i>Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>	S1	2.5
4.2.1.1	Nhận thức và phân tích sự khác biệt về văn hóa tại công ty so với tổ chức giáo dục/tổ chức thuộc chính phủ/tổ chức phi lợi nhuận		2.5
4.2.1.2	Nhận thức và tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa doanh nghiệp giữa các quốc gia khác nhau		2.5
4.2.2	<i>Các bên liên quan</i>	S1	2.5
4.2.2.1	Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan		2.5
4.2.2.2	Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)		2.5
4.5	Thực hiện phương án/ dự án hay chính sách kinh tế		
4.5.3	<i>Tổ chức thực hiện phương án/ dự án</i>	S4	2.5
4.5.3.1	Đảm bảo quá trình thực hiện đáp ứng ba tiêu chí: chất lượng, chi phí và tiến độ		2.5
4.5.3.2	Khẳng định mục tiêu kế hoạch/ dự án được thực hiện		2.5
4.5.3.3	Dự báo các yếu tố bất định và thiết lập phương án đối phó		2.5

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn đắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương đang đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Điều này được thể hiện ở việc sinh viên tốt nghiệp từ ngành này được xã hội chấp nhận nên tỷ lệ có việc làm của sinh viên rất cao, tỷ lệ này đối với sinh viên mới tốt nghiệp cũng đạt đến 80%. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí việc làm tại các đơn vị sau:

- Bộ phận hợp tác quốc tế, bộ phận quan hệ quốc tế của các sở ban ngành;
- Phòng nghiệp vụ tại các Chi cục, Cục, Tổng cục Hải quan;

- Phòng nghiệp vụ Xuất nhập khẩu, Phòng Logistics, Phòng kinh doanh của các Doanh nghiệp có liên quan;
- Bộ phận thanh toán quốc tế, bộ phận tính dụng, bộ phận chăm sóc khách hàng... tại các Ngân hàng thương mại;
- Đại diện thương mại của các hãng, các công ty và tập đoàn đa quốc gia, các tổ chức quốc tế...;
- Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Cụ thể các vị trí việc làm cụ thể tại một số đơn vị có thể kể đến: Nhân viên ngân hàng, Nhân viên giao nhận, Nhân viên kinh doanh XNK, Nhân viên hải quan, Chuyên viên thẩm định và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài và rất nhiều các vị trí khác tại các tổ chức...

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp:

- Có cơ hội cao trong việc tìm kiếm việc làm trên mọi miền của đất nước;
- Có cơ hội thăng tiến trong công tác với mức thu nhập cao;
- Có nhiều điều kiện để tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phân được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị

nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 132 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 33 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 39 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 36 TC.

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 18 TC.

e. Khối kiến thức tốt nghiệp: 6 TC.

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			12				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			33				
1	18125H	Toán chuyên đề kinh tế	3	1.1.1	TU3	2	
2	19106H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	1.2.1	TU3	1	
3	19109H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	1.2.1	TU3.5	2	19106H
4	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.2.1	TU3.5	3	19106H
5	19301H	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	1.2.1	TU3.5	4	19201H
6	11401H	Pháp luật đại cương	2	1.2.2	IT2	4	
7	25101H	Anh văn cơ bản 1	5	1.2.3	T2	1	
8	25102H	Anh văn cơ bản 2	5	1.2.3	T2.5	1	
9	25103H	Anh văn cơ bản 3	5	1.2.3	T3	2	
10	25104H	Anh văn cơ bản 4	3	1.2.3	T3.5	2	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			39				
11	15115H	Giới thiệu ngành	2	1.3.1	IT2	1	
12	15101H	Kinh tế vi mô	3	1.3.2	IT2	2	
13	15102H	Kinh tế vĩ mô	3	1.3.3	IT2	3	15101H
14	28108H	Nguyên lý kế toán	3	1.3.4	IT2	3	28301H
15	15117H	Nguyên lý thống kê	2	1.3.5	IT2	3	18125H
16	28307H	Thuế vụ	2	1.3.6	IT2	3	
17	15105H	Kinh tế lượng	3	1.3.7	IT3	4	18125H
18	15635E	Giao dịch thương mại quốc tế	3	1.3.8	T2.5	4	
19	15607H	Khoa học giao tiếp	2	1.3.9	T2.5	4	
20	15632H	Kinh tế quốc tế	3	1.3.10	T2	4	
21	15627H	Đàm phán thương mại quốc tế	2	1.3.11	T2.5	5	

22	15636H	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	1.3.12	T2.5	5	
23	15132H	Phân tích hoạt động kinh tế	3	1.3.13	TU3	7	
24	15815H	Logistics và vận tải đa phương thức	3	1.3.14	TU2.5	3	
25	15645H	Thực tập cơ sở ngành	2	1.3.15	U2.5	5	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			36				
26	15618H	Thương mại điện tử	2	1.4.1	T2.5	4	
27	15622H	Đầu tư quốc tế	4	1.4.2	TU3.5	5	
28	15617H	Tín dụng và tài trợ thương mại quốc tế	2	1.4.3	T2	5	
29	15633H	Chính sách thương mại quốc tế	4	1.4.4	TU3	6	
30	15619H	Bảo hiểm trong ngoại thương	2	1.4.5	T2.5	6	
31	15610H	Nghiệp vụ hải quan	2	1.4.6	T2.5	6	
32	15626E	Kinh doanh quốc tế	5	1.4.7	TU3.5	7	15632H 15633H
33	15648E	Thanh toán quốc tế	5	1.4.8	TU3.5	7	15632H 15633H
34	15625E	Giao nhận vận tải quốc tế	4	1.4.9	TU3.5	6	
35	15646H	Thực tập chuyên ngành	2	1.4.10	U3	7	15645H
36	15647H	Thực tập tốt nghiệp	4	1.4.11	U3.5	8	15646H
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			18				
37	17102H	Tin học văn phòng	3	1.5.1	TU3	2	
38	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	1.5.2	IT3	2	
39	15103H	Kinh tế công cộng	3	1.5.3	IT2.5	3	
40	29101H	Kỹ năng mềm 1	2	1.5.4	T2.5	1	
41	26101H	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	1.5.5	T2.5	1	
42	28239H	Văn hóa doanh nghiệp	3	1.5.6	IT2.5	3	
43	28214H	Quản trị doanh nghiệp	3	1.5.7	T3	4	
44	15113H	Kinh tế phát triển	2	1.5.8	IT2.5	5	
45	28119H	Kế toán doanh nghiệp	2	1.5.9	IT3	5	
46	15326H	Kinh tế vận chuyển đường biển	3	1.5.10	IT3.5	4	
47	28209H	Quản trị chiến lược	3	1.5.11	IT3	6	
48	30101H	Nghiệp vụ kho hàng	2	1.5.12	IT3	7	
49	15301H	Địa lý vận tải	2	1.5.13	IT3	7	
50	28237H	Marketing quốc tế	3	1.5.14	T3	6	
51	15840H	Logistics vận tải	3	1.5.15	T3.5	6	
52	28301H	Tài chính tiền tệ	3	1.5.16	IT2	3	
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP			6				
53	15644H	Khóa luận tốt nghiệp	6	1.6.1	U4	8	15633H
54	15650H	Môi trường kinh doanh quốc tế	3	1.6.2	TU4	8	15622H
55	15651H	Kế hoạch kinh doanh quốc tế	3	1.6.3	TU4	8	15635E

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	Nhóm CĐR 2								Nhóm CĐR 3				Nhóm CĐR 4										
				2.1			2.2		2.4			2.5		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.5
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.5.3
1	25101H	Anh văn cơ bản 1	5																							
	25102H	Anh văn cơ bản 2	5																							
	19106H	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2																							
	15115H	Giới thiệu ngành kinh tế	2	IT2	I	IT2	I	I	IT2	IT2	IT2	IT2	IT2	I	I	IT2	I	I	I	IT2	I	I	I			
	26101H	Môi trường và bảo vệ môi trường (*)	2																							
	29101H	Kỹ năng mềm 1 (*)	2																							
2	25103H	Anh văn cơ bản 3	5																							
	25104H	Anh văn cơ bản 4	3																							
	15101H	Kinh tế vi mô	3	T2		TU2.5							TU2.5	TU2.5	TU2.5											
	19109H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3																							
	18125H	Toán chuyên đề	3																							
	17102H	Tin học văn phòng (*)	3																							
	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế (*)	3																							
3	15104H	Nguyên lý thống kê	2	T2					T2.5				TU2.5	TU2.5												
	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																							
	28108H	Nguyên lý kế toán	3	TU2	TU2.5																					
	28307H	Thuế vụ	2						T2.5																	
	15815H	Logistics và vận tải ĐPT	3	T2	TU2.5								TU2	TU2.5												
	15102H	Kinh tế vĩ mô	3	TU2									TU2.5	TU2.5												
	15103H	Kinh tế công cộng (*)	3																							
	28239H	Văn hóa doanh nghiệp (*)	3																							
	28301H	Tài chính tiền tệ (*)	3																							

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	Nhóm CĐR 2								Nhóm CĐR 3								Nhóm CĐR 4						
				2.1			2.2		2.4			2.5		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.5
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.5.3
4	11401H	Pháp luật đại cương	2																							
	15635E	Giao dịch thương mại quốc tế	3												T2.5					T3	12.5					
	15607H	Khoa học giao tiếp	2					TU2.5	T2.5									TU3		TU3		12.5				
	15632H	Kinh tế quốc tế	3				T2.5							TU2.5								T2.5				
	15618H	Thương mại điện tử	2	T2.5													TU2.5									
	15111H	Kinh tế lượng	3	TU2.5	TU2.5	TU2.5								TU2.5	TU2.5	TU2.5										
	19301H	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3																							
	15326H	Kinh tế vận chuyển đường biển (*)	3																							
	28214H	Quản trị doanh nghiệp (*)	3																							
5	15627H	Đàm phán thương mại quốc tế	2				TU3			TU3				TU3												
	15622H	Đầu tư quốc tế	4					TU3																	12.5	
	15617H	Tín dụng và tài trợ TM quốc tế	2	T3										TU3	TU3									12.5		
	15636H	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	T3.5										TU2.5											12.5	
	15645H	Thực tập cơ sở ngành	2												U3											
	15113H	Kinh tế phát triển (*)	2																							
	15509H	Kế toán doanh nghiệp (*)	2																							
6	15633H	Chính sách TMQT	4		T3		TU3							TU3											TU2.5	
	15619H	Bảo hiểm trong ngoại thương	2							TU3																
	15610H	Nghiệp vụ hải quan	2																							
	15625E	Giao nhận vận tải quốc tế	4																							TU3.5
	15840H	Logistics vận tải (*)	3																							
	28109H	Quản trị chiến lược (*)	3																							
	28237H	Marketing quốc tế (*)	3																							
7	15626E	Kinh doanh quốc tế	5																						13.5	TU3.5
	15132H	Phân tích hoạt động KT trong KTNT	3	U3.5						U3				TU3												
	15648E	Thanh toán quốc tế	5																							
	15646H	Thực tập chuyên ngành	2																							
	30101H	Nghiệp vụ kho hàng (*)	2																							
	15301H	Địa lý vận tải (*)	2																							
8	15647H	Thực tập tốt nghiệp	4																							U3.5
	15644H	Khóa luận tốt nghiệp (*)	6																							U4
	15650H	Môi trường kinh doanh quốc tế (*)	3																							U4
	15651H	Kế hoạch kinh doanh quốc tế (*)	3																							U4

Đánh giá năng lực của sinh viên

Kỳ	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																		
	1.1		1.2			1.3													
	1.1.1	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	1.3.5	1.3.6	1.3.7	1.3.8	1.3.9	1.3.10	1.3.11	1.3.12	1.3.13	1.3.14	1.3.15
Kỳ 1		TU3		T2.5	IT2														
Kỳ 2	TU3	TU3.5		T3.5		IT2													
Kỳ 3		TU3.5					IT2	IT2	IT2	IT2									TU2.5
Kỳ 4		TU3.5	IT2									IT3	T2.5	T2.5	T2				
Kỳ 5															T2.5	T2.5			U2.5
Kỳ 6																			
Kỳ 7																	TU3		
Kỳ 8																			

Kỳ	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																													
	1.4											1.5													1.6					
	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	1.4.5	1.4.6	1.4.7	1.4.8	1.4.9	1.4.10	1.4.11	1.5.1	1.5.2	1.5.3	1.5.4	1.5.5	1.5.6	1.5.7	1.5.8	1.5.9	1.5.10	1.5.11	1.5.12	1.5.13	1.5.14	1.5.15	1.5.16	1.6.1	1.6.2	1.6.3
Kỳ 1															T2.5	T2.5														
Kỳ 2											TU3	IT3																		
Kỳ 3													IT2.5			IT2.5												IT2		
Kỳ 4	T2.5																T3			IT3.5										
Kỳ 5		TU3.5	T2																IT2.5	IT3										
Kỳ 6				TU3	T2.5	T2.5			TU3.5													IT3			T3	T3.5				
Kỳ 7							TU3.5	TU3.5		U3													IT3	IT3						
Kỳ 8										U3.5																	U4	TU4	TU4	

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
	25101H	Anh văn cơ bản 1	5	75				I	
	25102H	Anh văn cơ bản 2	5	75				I	
	19106H	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2	20	20			I	
	15115H	Giới thiệu ngành kinh tế	2	30				I	
Tùy chọn			2						
3	29101H	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
4	26101H	Môi trường và Bảo vệ môi trường	2	30				I	
		TỔNG	16						

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25103H	Anh văn cơ bản 3	5	45				I	
2	25104H	Anh văn cơ bản 4	3	45				I	
3	15101H	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	19109H	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	35	20			I	19106H
5	18125H	Toán chuyên đề	3	45				I	
Tùy chọn			3						
6	17102H	Tin học văn phòng	3	35	20			I	
7	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	
		TỔNG	20						

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	15117H	Nguyên lý thống kê	2	30				I	
2	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19106H
3	28108H	Nguyên lý kế toán	3	45				I	
4	28307H	Thuế vụ	2	30				I	
5	15815H	Logistics và vận tải ĐPT	3	45				I	
6	15102H	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101H
Tự chọn			3						

7	15103H	Kinh tế công cộng	3	45				I	
8	28239H	Văn hóa doanh nghiệp	3	45				I	
9	28301H	Tài chính tiền tệ	3	45				I	
		TỔNG	18						

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			18						
1	11401H	Pháp luật đại cương	2	25	10			I	
2	15635E	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45				I	
3	15607H	Khoa học giao tiếp	2	30				I	
4	15632H	Kinh tế quốc tế	3	45				I	
5	15618H	Thương mại điện tử	2	30				I	
6	15105H	Kinh tế lượng	3	35	10			I	
7	19301H	Đường lối cách mạng của Đảng	3	35	20			I	
Tự chọn			3						
8	15326H	Kinh tế vận chuyển đường biển	3	45				I	
9	28214H	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	
		TỔNG	21						

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	15627H	Đàm phán thương mại quốc tế	2	15	30			I	
2	15622H	Đầu tư quốc tế	4	45		15		I	
3	15636H	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	45				I	
4	15617H	Tín dụng và tài trợ TM quốc tế	2	30				I	
5	15645H	Thực tập cơ sở ngành	2					II	
Tự chọn			2						
1	15113H	Kinh tế phát triển	2	30				I	
2	28119H	Kế toán doanh nghiệp	2	30				I	
		TỔNG	15						

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	15633H	Chính sách thương mại quốc tế	4	45		15		I	
2	15619H	Bảo hiểm trong ngoại thương	2	30				I	
3	15610H	Nghiệp vụ hải quan	2	30				I	
4	15625E	Giao nhận vận tải quốc tế	4	45		15		I	
Tự chọn			3						
5	15840H	Logistics vận tải	3	45				I	
6	28209H	Quản trị chiến lược	3	45				I	
7	28237H	Marketing quốc tế	3	45				I	
TỔNG			15						

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	15626E	Kinh doanh quốc tế	5	45			30	I	15635E
2	15648E	Thanh toán quốc tế	5	45			30	I	
5	15132H	Phân tích hoạt động kinh tế	3	45					
4	15646H	Thực tập chuyên ngành	2					II	15645E
Tự chọn			2						
4	30101H	Nghiệp vụ kho hàng	2	15	30			I	
5	15301H	Địa lý vận tải	2	30				I	
TỔNG			17						

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			4						
1	15647H	Thực tập tốt nghiệp	4					II	15646H
Tự chọn			6						
2	15644H	Khóa luận tốt nghiệp	6	90				I	15633H
3	15650H	Môi trường kinh doanh quốc tế	3	45				I	15622H
4	15651H	Kế hoạch kinh doanh quốc tế	3	45				I	15635E
TỔNG			10						

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

5.1. Toán chuyên đề

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Toán chuyên đề bao gồm các kiến thức về đại số và xác suất thống kê như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số giải quyết các vấn đề cơ bản của khối ngành kinh tế.

5.2. Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin I

2TC

Mô tả nội dung học phần:

- Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Mục đích: Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

- Nội dung: Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

5.3. Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin II

3TC

- ***Điều kiện tiên quyết của học phần:*** Sinh viên đã học xong học phần "Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin I"

Mô tả nội dung học phần:

- Vị trí học phần: Nằm trong kiến thức lý luận chính trị

- Mục đích: Sinh viên nắm được cơ sở khoa học, có chọn lọc những kiến thức cơ bản trong học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất TBCN và lý luận về CNXH. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

- Nội dung: Học phần này gồm 2 phần:

+ Phần thứ nhất: Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN

+ Phần thứ hai: Lý thuyết của Chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH

5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

- ***Điều kiện tiên quyết của học phần:***

Sinh viên đã học xong học phần "Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1"

- Mô tả nội dung học phần:

- Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Mục đích: Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

- Nội dung học phần: Giúp sinh viên hiểu biết nhất định về Hồ Chí Minh và tinh thần yêu nước, chí hướng cách mạng, quyết tâm tìm đường cứu nước giải phóng tộc; Hiểu toàn diện và sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản có tính quy luật của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN.

5.5. Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên phải học xong môn Những NLCB của CN Mác - Lê nin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mô tả nội dung học phần:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ đó tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

5.6. Pháp luật đại cương

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Nguyên lý cơ bản 1

- Mô tả nội dung học phần:

Pháp luật đại cương là môn học cơ sở bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam. Để đạt được mục đích này, nội dung chính yếu của môn học bao gồm: nguồn gốc, bản chất, hình thức, bộ máy của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm

pháp luật và trách nhiệm pháp lý; hệ thống pháp luật Việt Nam thông qua giới thiệu một số ngành luật cơ bản như Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Tố tụng Hình sự, Dân sự, Lao động và các vấn đề về pháp luật Phòng chống tham nhũng.

5.7 Anh văn cơ bản 1

5TC

Mô tả nội dung học phần:

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 6 nội dung chính. Nội dung 1 củng cố ngữ pháp cơ bản: thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, sở hữu cách, tính từ sở hữu, danh từ số nhiều, đại từ chỉ định, giới từ chỉ nơi chốn, trạng từ tần suất, danh từ đếm được và không đếm được,...Nội dung 2 giới thiệu hệ thống từ vựng cần thiết cho các chủ đề phổ biến trong giao tiếp: gia đình, từ chỉ màu sắc, các đồ vật hàng ngày, đồ nội thất, quốc gia, quốc tịch, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thức ăn, tiền bạc, thể thao... Nội dung 3, 4, 5, 6 tập trung vào các giới thiệu các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản, giúp sinh viên có khả năng giao tiếp ở cấp độ sơ cấp với các chủ đề trên.

5.8. Anh văn cơ bản 2

5TC

Mô tả nội dung học phần:

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 6 nội dung chính. Nội dung 1 củng cố ngữ pháp cơ bản: thì quá khứ đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn, các cấp so sánh, cấu trúc chỉ mục đích, cấu trúc đưa ra lời khuyên, động từ chỉ khả năng, đại từ bất định ...Nội dung 2 giới thiệu hệ thống từ vựng cần thiết cho các chủ đề phổ biến trong giao tiếp: các chuyến đi du lịch, âm nhạc, lễ hội, các thể loại phim, điện mạo, khoa học, thời tiết, khí hậu... Nội dung 3, 4, 5, 6 tập trung vào các giới thiệu các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản, giúp sinh viên có khả năng giao tiếp ở cấp độ sơ cấp với các chủ đề trên.

5.9. Anh văn cơ bản 3

5TC

Mô tả nội dung học phần:

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 6 nội dung chính. Nội dung 1 củng cố ngữ pháp cơ bản đã được học trong học phần AV2: thì thời, tính từ so sánh ngang bằng, so sánh hơn và so sánh nhất, danh từ đếm được và không đếm được, mạo từ, các từ định lượng, động từ nguyên thể ...Nội dung 2 giới thiệu hệ thống từ vựng cần thiết cho các chủ đề phổ biến trong giao tiếp: sức khỏe, cuộc thi, giao thông, phiêu lưu, môi trường, các quãng thời gian trong cuộc đời v.v. Nội dung 3, 4, 5, 6 tập trung vào các

giới thiệu các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản, giúp sinh viên có khả năng giao tiếp ở cấp độ tiền trung cấp với các chủ đề trên.

5.10. Anh văn cơ bản 4

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 6 nội dung chính. Nội dung 1 cung cấp kiến thức ngữ pháp nâng cao hơn: giới từ chỉ nơi chốn và sự vận động, thì quá khứ hoàn thành, mệnh đề quan hệ, câu điều kiện, bị động, “used to”, câu gián tiếp, đại từ không xác định ...Nội dung 2 tiếp tục giới thiệu hệ thống từ vựng cần thiết cho các chủ đề phổ biến trong giao tiếp xã hội và công việc: công việc, khoa học công nghệ, ngôn ngữ và học tập, du lịch, lịch sử, thể giới tự nhiên..v.v. Nội dung 3, 4, 5, 6 tập trung vào các giới thiệu các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản, giúp sinh viên có khả năng giao tiếp ở cấp độ tiền trung cấp với các chủ đề trên.

5.11. Giới thiệu ngành

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần mở đầu chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về ngành... để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên; giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức, phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của ngành....

5.12. Kinh tế vi mô

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần kinh tế vi mô bao gồm những nội dung về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất, các cấu trúc của thị trường, thị trường các yếu tố sản xuất, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ.

5.13. Kinh tế vĩ mô

3TC

Mã HP: 15102H

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học sau học phần Kinh tế Vi mô

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần kinh tế vĩ mô bao gồm những khái niệm, cách tính toán cũng như ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát, tổng cung, tổng cầu ... Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về những chính sách của chính phủ đó là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ và tác động của chúng đến nền kinh tế. Cuối cùng là giới thiệu nền kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

5.14. Nguyên lý kế toán

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên phải học các môn Lý thuyết tài chính tiền tệ trước khi học học phần này.

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kế toán Việt Nam để làm nền tảng cho việc học môn kế toán doanh nghiệp và kế toán quản trị. Nội dung học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán, nghiên cứu các phương pháp kế toán, nghiên cứu báo cáo tài chính của doanh nghiệp, kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, nghiên cứu cách ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.

5.15. Nguyên lý thống kê

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học sau học phần Kinh tế vĩ mô, Toán chuyên đề.

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác thống kê: các nguyên tắc, nguyên lý thống kê; các bảng biểu thống kê thường gặp; cách tính toán một số chỉ tiêu, các tham số đặc trưng cơ bản.

5.16. Thuế vụ

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

Tài chính tiền tệ

- Mô tả nội dung của học phần:

Môn học cung cấp kiến thức lý luận chung về thuế và nội dung cơ bản của các luật thuế hiện hành, bao gồm: thuế xuất – nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

5.17. Kinh tế lượng

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

Xác suất thống kê, Kinh tế vĩ mô

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần kinh tế lượng cung cấp những kiến thức cơ bản về các mô hình hồi quy trong kinh tế lượng. Học phần này gồm 06 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, mối quan hệ nhân quả. Bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái quát về kinh tế lượng, Một số khái niệm trong mô hình hồi quy tuyến tính, Mô hình hồi quy đơn, Mô hình hồi quy bội, Biến giả, Sự vi phạm giả thiết.

5.18. International Trade Transactions

3TC

Mô tả nội dung học phần

The course is in basic professional category and equips students with basic knowledge on popular modes of international trade transactions, the content as well as the form of the contract for the sale of goods and international commercial terms. Through out this course, students can also practise important skills in writing commercial correspondence or making sale of goods contracts. By getting the above knowledge and skills, students will soon identify their attitude to the future carrers

5.19. Khoa học giao tiếp

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Khoa học giao tiếp nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Kinh tế ngoại thương. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế; giúp sinh viên tìm hiểu và làm quen với môi trường giao tiếp chuyên nghiệp trong công việc với đồng nghiệp và đối tác, rèn luyện ý thức, phong cách làm việc chuyên nghiệp và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

5.20. Kinh tế quốc tế

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Kinh tế quốc tế nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành, được xây dựng nhằm mục đích giúp sinh viên nắm được những kiến thức chung về nền kinh tế thế giới, các quan hệ kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, di chuyển lao động quốc tế, cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế; hướng dẫn sinh viên áp dụng kiến thức để giải thích những mối liên hệ, sự tác động qua lại lẫn nhau của các thành phần trong nền kinh tế thế giới.

5.21. Đàm phán thương mại quốc tế

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nằm trong khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành của chuyên ngành Kinh tế ngoại thương. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đàm phán và đàm phán thương mại quốc tế (những vấn đề cơ bản, các phong cách, chiến lược, kỹ thuật đàm phán, các giai đoạn đàm phán, yếu tố văn hóa trong đàm phán thương mại quốc tế), đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đàm phán cơ bản.

5.22. Pháp luật kinh doanh quốc tế

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Pháp luật kinh doanh quốc tế là môn khoa học cơ sở ngành kinh tế ngoại thương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở ngành liên quan tới pháp luật kinh doanh quốc tế. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới và nền tảng pháp lý của hợp đồng kinh doanh quốc tế, vấn đề giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế. Học phần gồm có ba nội dung chính bao gồm: Pháp luật kinh doanh quốc tế, hợp đồng kinh doanh quốc tế và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế.

5.23. Phân tích hoạt động kinh tế KTN

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên phải học các môn chuyên môn của ngành: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương và Kinh tế ngoại thương

- Mô tả nội dung học phần

Học phần phân tích hoạt động kinh tế bao gồm các nội dung về cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp, phân tích tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa, phân tích tình hình thực hiện chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính.

5.24. Logistics và vận tải đa phương thức

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về logistics và chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, nguyên tắc cũng như cách thức quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết thực tiễn về logistics, dịch vụ logistics và chuỗi

cung ứng trong thực tế để dễ dàng tiếp thu, vận dụng cũng như hình thành nền tảng cho các môn học chuyên ngành khác

5.25. Thực tập cơ sở ngành

viên có thể hiểu biết và nắm được:

- Chức năng nhiệm vụ và hoạt động chính của mỗi đơn vị,
- Cơ cấu tổ chức và cách thức điều hành của một đơn vị kinh doanh,
- Những yêu cầu đối với một cán bộ khi làm việc tại đơn vị.
- Ý thức được nghề nghiệp của mình để có động cơ phấn đấu học tập.

Nội dung thực tập: Sinh viên đến thực tập tại đơn vị và tìm hiểu về:

- Cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động của các phòng ban chủ yếu trong đơn vị;
- Sản phẩm và thị trường chính của đơn vị;
- Các yêu cầu chính đối với sản phẩm và đối tượng phục vụ của đơn vị,
- Các mối quan hệ giữa đơn vị và các đơn vị hữu quan khác để giải quyết những nhiệm vụ cơ bản của doanh nghiệp
- Các chính sách của Nhà nước đối với ngành và đơn vị đang thực tập;
- Xu hướng, định hướng phát triển của đơn vị trong tương lai;
- Cách thức tiếp xúc và giao tiếp với CBCNV tại đơn vị thực tập;
- Thực hành một số công việc đơn giản theo sự phân công (nếu có) tại đơn vị.

5.26. Thương mại điện tử

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Thương mại điện tử thuộc khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành thuộc ngành kinh tế ngoại thương giúp sinh viên có vốn kiến thức đầy đủ về các hoạt động thương mại trong môi trường quốc tế hiện nay.

Học phần thương mại điện tử nhằm trang bị cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ, hệ thống các chỉ tiêu phân tích đánh giá hiệu quả, tình hình thực tiễn, xu hướng phát triển... của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam cũng như trên thế giới.

Học phần gồm 5 nội dung chính: Nội dung thứ nhất mô tả một cách tổng quan về hoạt động thương mại điện tử; Nội dung thứ hai hướng dẫn đặc điểm thương mại điện tử; Nội dung thứ ba cung cấp những kiến thức cần thiết liên quan tới Marketing điện tử; Nội dung thứ tư nghiên cứu các ứng dụng của thương mại điện tử; Cuối cùng, nội

dung thứ năm giúp tìm hiểu những vấn đề về cơ sở vật chất kỹ thuật và pháp lý về thương mại điện tử.

5.27. Đầu tư quốc tế

4TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Đầu tư nước ngoài, nằm trong nhóm kiến thức chuyên ngành, được xây dựng nhằm mục đích giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức chung về hoạt động đầu tư quốc tế, chuyển giao công nghệ thông qua dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài; hướng dẫn cách lập và triển khai thực hiện dự án đầu tư cũng như giới thiệu một số quy định pháp lý liên quan tới hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

5.28. Tín dụng và tài trợ thương mại quốc tế

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Tín dụng và tài trợ thương mại quốc tế là một môn học chuyên ngành, cùng với các học phần chuyên ngành khác thuộc ngành Kinh tế ngoại thương sẽ giúp sinh viên có một vốn kiến thức đầy đủ về hoạt động tài trợ tín dụng trong thương mại quốc tế. Học phần có kết cấu gồm 2 phần. Phần 1 giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về tín dụng như khái niệm, vai trò, phân loại tín dụng và quy trình tín dụng cơ bản. Phần 2 gồm 2 chương với nội dung là các hình thức tài trợ thương mại trong xuất khẩu và nhập khẩu.

5.29. Chính sách thương mại quốc tế

4TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Chính sách thương mại quốc tế là học phần trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của chuyên ngành kinh tế ngoại thương. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chính sách thương mại và công cụ để thực hiện chính sách đó của một quốc gia. Qua đó giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc, cơ sở của việc hình thành chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam, tạo tiền đề cho việc vận dụng cũng như dự báo chính sách, từ đó có thể đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động thương mại quốc tế dưới góc độ doanh nghiệp và quốc gia.

5.30. Bảo hiểm trong ngoại thương

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần bảo hiểm trong ngoại thương, nằm trong nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về Bảo hiểm nói chung và bảo hiểm trong ngoại

thương bao gồm các thuật ngữ, khái niệm về bảo hiểm , bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, bảo hiểm thân tàu biển; giúp cho sinh viên hiểu rõ về các loại hình bảo hiểm và áp dụng vào thực tế công việc.

5.31. Nghiệp vụ hải quan

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Môn học nghiệp vụ hải quan thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành. Là nền tảng để SV tiếp cận các môn chuyên ngành khác như Giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Kinh doanh quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các cơ sở pháp quy chủ yếu của nghiệp vụ hải quan như xuất xứ hàng hoá, cách xác định trị giá tính thuế, các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu. SV sau khi học môn này nắm được các kiến thức cơ bản liên quan đến nghiệp vụ hải quan, có khả năng chuẩn bị hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, khai hải quan điện tử trên phần mềm khai hải quan hiện hành, làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu. SV ý thức được trách nhiệm xã hội trong công việc mình làm, trung thực, có trách nhiệm với công việc được giao.

5.32. International Business

5TC

Mô tả nội dung học phần:

Students are offered the knowledge and skills relating to international business including procedures, international business environment and project for importing and exporting goods. After this course, students have enough skills to to make and present an international business project.

5.33. International payment

5TC

Mô tả nội dung học phần:

International payment is a major subject, which provide students with knowledge of foreign exchange rate, foreign exchange market, international payment instruments, international methods of payment and documents used in this field. Students have to do a project related to documentary credit, use some foreign exchange transactions to prevent exchange risks in sale contracts, know how to use remittance, collection and documentary credit.

5.34. International forwarding and transport

4TC

Mô tả nội dung học phần:

International forwarding and transport is professional subject to provide basic and professional forwarding and transport in import and export knowledge for students. By learning this subject, student can implement forwarding work, build forwarding process, organise transport cargo. Moreover, they can also manage and evaluate all stages of this process.

5.35. Thực tập chuyên ngành

Mục đích

- Để sinh viên làm quen và tiếp xúc với các dự án đầu tư nước ngoài, phương pháp lập và thẩm định một dự án đầu tư nước ngoài.
- Phương pháp triển khai và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nói chung và tại Hải phòng nói riêng, các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Nhà nước và tại thành phố.
- Tìm hiểu quá trình ký kết và thực hiện một hợp đồng mua bán ngoại thương, các bước thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu,
- Các chính sách của Nhà nước đối với việc phát triển ngoại thương,
- Triển vọng phát triển ngoại thương Việt Nam trong tương lai

Nội dung thực tập.

- a) *Tại Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Hải Phòng và Sở Kế hoạch và đầu tư ở Hải phòng hoặc ở các tỉnh và thành phố khác.*
- b) *Tại các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu.*
- c) *Tại ngân hàng thương mại và các công ty giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu.*

5.36. Thực tập và báo cáo tốt nghiệp

Mục đích

- Tổng hợp các vấn đề lý thuyết đã học được ứng dụng trong thực tế
- Nắm được các công việc khi thực hiện một hợp đồng mua bán Ngoại thương và các công việc hỗ trợ để thực hiện một giao dịch Ngoại thương tốt nhất.
- Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Nội dung thực tập

- a) *Tại các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu.*
- b) *Tại Ngân hàng thanh toán Ngoại thương*
- c) *Tại các công ty giao nhận hàng hóa xnk*
- d) *Tại các cơ quan quản lý nhà nước về xnk*

5.37. Tin học văn phòng

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word 2013, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel 2013; từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính như sau:

- Thành thạo kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản cơ bản (định dạng kí tự, định dạng đoạn, định dạng trang văn bản) với Word 2013.
- Thành thạo các kỹ năng thao tác với bảng biểu và đối tượng đồ họa trong Word 2013.
- Thành thạo việc kiểm duyệt nội dung, tạo tham chiếu và liên kết trong Word 2013.
- Có thể thực hiện trộn thư với Word 2013.
- Thành thạo kỹ năng tạo bảng tính và định dạng dữ liệu, trang in trong Excel 2013.
- Thành thạo việc sử dụng các hàm cơ bản trong Excel 2013 (hàm thống kê, hàm logic, hàm tìm kiếm).

5.38. Quan hệ kinh tế quốc tế

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế là học phần tự chọn của khối ngành kinh tế và quản trị, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về xu hướng liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia trên thế giới. Học phần có kết cấu 3 chương. Chương 1 giới thiệu những vấn đề cơ bản về các quan hệ kinh tế quốc tế như khái niệm, nội dung, tính chất. Chương 2 giới thiệu những vấn đề chung về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế như khái niệm, đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế; bản chất, tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế; các tác động của liên kết và hội nhập; các loại hình liên kết và hội nhập. Chương 3 giới thiệu một số liên kết kinh tế quốc tế tiêu biểu.

5.39. Kinh tế công cộng

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Toán chuyên đề

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần kinh tế công cộng bao gồm những nội dung về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, vị trí, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế, việc phân bổ nguồn lực, các dạng thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ

5.40. Kỹ năng mềm 1

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.

5.41. Môi trường và bảo vệ môi trường

2TC

- Mô tả nội dung học phần:

Học phần Môi trường và bảo vệ môi trường cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường, một số dạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; mối quan hệ giữa dân số và môi trường, môi trường và phát triển bền vững; một số luật pháp đang được áp dụng trên thế giới và tại Việt Nam nhằm bảo vệ môi trường.

5.42. Văn hóa doanh nghiệp

3TC

Mã HP: 28239H

Mô tả nội dung học phần:

Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh; những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

5.42. Quản trị doanh nghiệp

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng trong thực tiễn. Những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

5.44. Kinh tế phát triển

2TC

Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

- Mô tả nội dung học phần:

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các quốc gia trên thế giới trong giai đoạn hiện nay như: các nước đang phát triển và sự lựa chọn con đường phát triển, tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ngoài ra học viên cũng được tiếp cận những học thuyết và cơ sở lý luận để giải thích sự biến động của hệ thống kinh tế bao gồm: các mô hình tăng trưởng kinh tế các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Cuối cùng là các nguồn lực tăng trưởng kinh tế và vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế.

5.45. Kế toán doanh nghiệp

2TC

- Điều kiện tiên quyết:

Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Mô tả nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp. Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.

5.46. Kinh tế vận chuyển đường biển

3TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học phần 15101

- Mô tả nội dung học phần:

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển. Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.

5.47. Quản trị chiến lược

3TC

- Mô tả nội dung học phần:

Môn học này giới thiệu cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng hoạch định được chiến lược ở mức cơ bản. Giúp sinh viên nắm được quy trình xây dựng chiến lược, các ma trận được sử dụng trong việc xây dựng chiến lược của tổ chức. Cách triển khai thực hiện chiến lược, cách đánh giá và kiểm soát quá trình quản trị chiến lược.

5.48. Nghiệp vụ kho hàng

2TC

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Nghiệp vụ kho hàng là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế ngoại thương, bổ sung kiến thức và kỹ năng thực hành thực tế cho sinh viên. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho; vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho.

5.49. Địa lý vận tải

2TC

- Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học phần 15101

- Mô tả nội dung học phần:

Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển. Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.

5.50. Marketing quốc tế

3TC

Mô tả nội dung học phần:

Nội dung thứ nhất cung cấp toàn bộ cơ sở lý luận về Marketing và marketing quốc tế, bao gồm khái niệm, vai trò, xu hướng, quan điểm, các yếu tố ảnh hưởng. Nội dung thứ hai là môi trường marketing, phân đoạn và định vị thị trường mà trọng tâm là marketing quốc tế. Nội dung thứ ba là xây dựng chương trình marketing quốc tế cho doanh nghiệp gồm chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp

5.51. Logistics vận tải

3TC

- **Điều kiện tiên quyết của học phần:** Đã đạt điểm Học phần 15815 (Logistics và VTĐPT)

- **Mô tả nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về logistics trong lĩnh vực vận tải hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau. Bao gồm kiến thức chuyên môn và kỹ năng tổ chức vận tải hàng hóa bằng đường biển, đường sắt, đường bộ, đường hàng không và đường thủy nội địa.

Người học vận dụng kiến thức lý thuyết để thiết kế và vận hành một quá trình vận tải cho một lô hàng, có thể xây dựng các phương án tối ưu để tổ chức vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế theo các phương thức vận tải hiện thời.

5.52. Tài chính tiền tệ

Mô tả nội dung của học phần:

Tài chính tiền tệ là một trong những môn học cơ sở của khối ngành Kinh tế, sinh viên sẽ được nghiên cứu những lý thuyết về tài chính tiền tệ từ tổng quát đến chi tiết. Cụ thể là những lý luận cơ bản về tiền tệ tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; khái quát những nội dung cơ bản về các khâu tài chính trong hệ thống tài chính (tài chính công, tài chính doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng); tín dụng - lãi suất và hoạt động thị trường tài chính. Ngoài ra, phần lý thuyết trong môn học còn được bổ trợ bởi phần bài tập như bài tập về khấu hao tài sản cố định, lãi suất tín dụng, giá trị của tiền theo thời gian. Phần bài tập này chỉ mang tính chất tiền đề, giúp sinh viên có kiến thức cơ sở khi học các môn chuyên ngành khác của khối ngành Kinh tế.

5.54. Môi trường kinh doanh quốc tế

3TC

- **Điều kiện tiên quyết của học phần:** Sinh viên hoàn thành các học phần Giao dịch thương mại quốc tế, Chính sách thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế.

- **Mô tả nội dung học phần:**

Học phần Môi trường kinh doanh quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp của chuyên ngành kinh tế ngoại thương. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về môi trường kinh doanh quốc tế, cách thức phân tích môi trường kinh doanh của một quốc gia bất kỳ và môi trường kinh doanh quốc tế khi một doanh nghiệp muốn mở rộng thị trường ra nước ngoài, muốn xâm nhập vào các thị trường

mục tiêu, các kiến thức cơ bản về các chiến lược kinh doanh quốc tế và phương thức xâm nhập vào thị trường quốc tế.

5.55. Kế hoạch kinh doanh quốc tế

3TC

- **Điều kiện tiên quyết của học phần:** Sinh viên hoàn thành các học phần Giao dịch thương mại quốc tế, Chính sách thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế.

- **Mô tả nội dung học phần:**

Kế hoạch kinh doanh quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng tốt nghiệp, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về việc làm thế nào để lập được kế hoạch nhằm tiến hành được hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần có kết cấu gồm 2 phần. Phần 1 giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế như môi trường văn hóa, chính trị, pháp luật, kinh tế. Phần 2 giới thiệu về các chiến lược kinh doanh quốc tế chủ yếu, các loại hình công ty và việc tiến hành tổ chức, thực hiện một kế hoạch kinh doanh quốc tế.